

CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân - phường 3 - Quận 11

Tel: 38587107 Fax: 39636186

Báo cáo tài chính

Quý 1 năm tài chính 2014

Mẫu số

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.294.512.616	6.300.776.915	22.294.512.616	6.300.776.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		22.294.512.616	6.300.776.915	22.294.512.616	6.300.776.915
4. Giá vốn hàng bán	11		21.862.910.209	5.798.755.129	21.862.910.209	5.798.755.129
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		431.602.407	502.021.786	431.602.407	502.021.786
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.213.615.673	6.542.131	2.213.615.673	6.542.131
7. Chi phí tài chính	22		23.869.659	54.279.687	23.869.659	54.279.687
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.869.659	-	23.869.659	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.932.423.158	183.586.989	1.932.423.158	183.586.989
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22) - (24+25))	30		688.925.263	270.697.241	688.925.263	270.697.241
11. Thu nhập khác	31		-	6.818.182	-	6.818.182
12. Chi phí khác	32		16.919.213	-	16.919.213	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(16.919.213)	6.818.182	(16.919.213)	6.818.182
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		672.006.050	277.515.423	672.006.050	277.515.423
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		137.785.053	64.089.353	137.785.053	64.089.353
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		534.220.997	213.426.070	534.220.997	213.426.070
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-	-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		122	59	122	59

TPHCM, ngày tháng 04 năm 2014

Người lập biểu

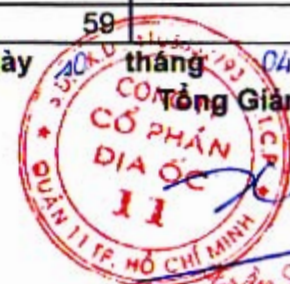
Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Trần Thị Minh Anh

Nguyễn Thị Yến Nhi

Trần Thị Kim Huệ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2014**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.500.661.475	165.739.739.389
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.221.934.621	14.754.708.719
1. Tiền	111		2.421.934.621	2.754.708.719
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.800.000.000	12.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.400.000.000	93.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	85.400.000.000	93.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.420.909.747	55.183.718.054
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	28.705.935.372	33.720.799.423
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	17.701.726.613	17.670.956.813
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5.013.247.762	3.791.961.818
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.571.439.107	1.071.934.616
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.571.439.107	1.071.934.616
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.886.378.000	1.329.378.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.886.378.000	1.329.378.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2014

Cho quý I kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kì	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.672.106.178	5.786.805.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.495.304.471	3.053.226.894
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	429.377.642	496.660.369
<i>Nguyên giá</i>	222		6.737.844.782	6.737.844.782
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.308.467.140)	(6.241.184.413)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	3.065.926.829	2.556.566.525
III. Bất động sản đầu tư	240	V.10	1.282.890.877	1.352.866.744
<i>Nguyên giá</i>	241		1.632.770.208	1.632.770.208
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(349.879.331)	(279.903.464)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.893.910.830	1.380.712.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.893.910.830	1.380.712.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		168.172.767.653	171.526.545.027

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kì	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		80.514.230.329	84.402.228.700
I. Nợ ngắn hạn		310		79.532.444.561	83.412.742.932
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.12	373.121.035	1.022.988.733
2. Phải trả người bán		312	V.13	4.013.234.141	4.244.200.955
3. Người mua trả tiền trước		313	V.14	15.405.379.458	14.963.321.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.15	808.325.143	1.473.983.503
5. Phải trả người lao động		315	V.16	1.673.797.067	3.053.433.433
6. Chi phí phải trả		316	V.17	45.750.953.310	45.807.229.674
7. Phải trả nội bộ		317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.18	4.069.592.168	4.193.892.168
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.19	7.438.042.239	8.653.693.466
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327			
II. Nợ dài hạn		330		981.785.768	989.485.768
1. Phải trả dài hạn người bán		331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332			
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.20	500.000.000	500.000.000
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.21		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337	V.22	481.785.768	489.485.768
8. Doanh thu chưa thực hiện		338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		87.658.537.324	87.124.316.327
I. Vốn chủ sở hữu		410		87.658.537.324	87.124.316.327
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.23	43.679.770.000	43.679.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413			
4. Cổ phiếu quỹ		414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416			
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.23	8.936.430.421	8.936.430.421
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.23	5.249.358.062	5.249.358.062
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.23	29.792.978.841	29.258.757.844
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430			
1. Nguồn kinh phí		432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		168.172.767.653	171.526.545.027

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kì		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại		-		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2014


Trần Thị Minh Thư
Người lập biểu
Huỳnh Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng
Trần Thị Kim Huệ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ 1 NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		672.006.050	277.515.423
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, 10	137.258.594	235.356.375
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	399.288.502	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.213.615.673)	(6.542.131)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.689.659	54.179.687
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(981.372.868)	560.509.354
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.205.808.307)	(3.575.976.148)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		499.504.491	694.699.009
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.562.000.262)	153.954.731
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		513.198.830	396.735.057
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.12, 21;	-	(15.883.796)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(221.416.753)	(6.384.180)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		123.262.015	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.338.913.242)	(704.024.294)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.173.546.096)	(2.496.370.267)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(509.360.304)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.800.000.000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			10.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.290.639.696	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12, 21		345.748.726
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12, 21	(649.867.698)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(649.867.698)	345.748.726
Lưu chuyển tiền thuần trong kì	50		6.467.225.902	7.849.378.459
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.754.708.719	1.201.201.023
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kì	70	V.1	21.221.934.621	9.050.579.482

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2014


 Trần Thị Minh Thư
 Người lập biểu


 Huỳnh Thị Yến Nhi
 Kế toán trưởng


 Trần Thị Kim Huệ
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng nhà ở; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng; Dịch vụ cho thuê nhà ở, xưởng, kho bãi; Dịch vụ giữ xe; Kinh doanh bất động sản.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 Công ty có 415 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được tính như sau:

- Đối với nguyên vật liệu mua vào xuất thẳng cho công trình áp dụng theo giá thực tế đích danh
- Đối với hàng tồn kho khác áp dụng giá nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 05 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%	Không có
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	15%	Không có

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2014

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý I năm 2014 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

20. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận.
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kì	Số đầu kì
Tiền mặt	91.540.985	45.646.970
Tiền gửi ngân hàng	2.330.393.636	2.709.061.749
Các khoản tương đương tiền	18.800.000.000	12.000.000.000
Cộng	21.221.934.621	14.754.708.719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 01 năm.

Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 24.400.000.000 VND được dùng để ký quỹ bảo lãnh cho các hợp đồng xây dựng của Công ty với các chủ đầu tư.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về kinh doanh nhà	38.000.000	40.000.000
Phải thu về công trình xây lắp	10.463.054.905	11.442.955.039
Phải thu về bán hàng hóa	18.204.880.467	22.237.844.384
Cộng	28.705.935.372	33.720.799.423

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà Sài Gòn	17.300.839.918	17.300.839.918
Các nhà cung cấp khác	400.886.695	370.116.895
Cộng	17.701.726.613	17.670.956.813

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu kì</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	3.784.918.765	2.570.026.023
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	103.149.947	103.149.947
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp hoạt động kinh doanh bất động sản	1.031.499.467	1.031.499.467
Các khoản phải thu khác	93.679.583	87.286.381
Cộng	5.013.247.762	3.791.961.818

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.076.089	18.395.302
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.555.363.018	1.053.539.314
Cộng	1.571.439.107	1.071.934.616

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tiền tạm ứng cho công nhân viên.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.415.634.046	1.283.426.450	38.784.286	6.737.844.782
Số cuối kì	5.415.634.046	1.283.426.450	38.784.286	6.737.844.782
Trong đó:				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.910.016.377	383.720.983	38.784.286	5.332.521.646
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.280.898.605	922.425.014	37.860.794	6.241.184.413
Khấu hao trong năm	31.092.792	35.266.443	923.492	67.282.727
Số cuối kỳ	5.311.991.397	957.691.457	38.784.286	6.308.467.140
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	134.735.441	361.001.436	923.492	496.660.369
Số cuối kỳ	103.642.649	325.734.993	-	429.377.642
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình xây dựng tự làm kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang chờ nghiệm thu chuyển sang bất động sản đầu tư cho thuê trong năm .

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là mặt bằng Kho 7A Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá	
Số đầu năm	1.632.770.208
Số cuối kỳ	1.632.770.208
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	279.903.464
Khấu hao trong năm	69.975.867
Số cuối kỳ	349.879.331
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.352.866.744
Số cuối kỳ	1.282.890.877

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Thu nhập từ việc cho thuê	62.727.273	112.295.457
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	257.975.867	6.698.268

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
Số đầu năm	1.380.712.000	-
Phát sinh tăng	513.198.830	-
Kết chuyển vào chi phí SXKD		-
Số cuối kì	1.893.910.830	-

12. Vay và nợ ngắn hạn*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:*

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
Số đầu năm	1.022.988.733	172.693.151
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	
Vay ngắn hạn các cá nhân		200.000.000
Lãi nhập gốc	22.676.173	4.511.762
Vay ngắn hạn đã trả trong kì	(672.543.871)	(2.999.809)
Cộng	373.121.035	374.205.104

13. Phải trả người bán

Phải trả tiền mua vật tư xây dựng và kinh doanh.

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước vốn dự án khu dân cư phường Phú Mỹ	11.407.000.000	11.407.000.000
Trả trước tiền thi công, xây lắp	3.998.379.458	3.556.321.000
Cộng	15.405.379.458	14.963.321.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kì</u>	<u>Số đã nộp trong kì</u>	<u>Số cuối kì</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.122.997.743	228.262.102	1.122.997.743	228.262.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.416.753	137.785.053	221.416.753	137.785.053
Thuế thu nhập cá nhân	129.569.007	51.891.387	153.804.693	27.655.701
Tiền thuê đất	-	414.622.287	-	414.622.287
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.473.983.503	835.560.829	1.501.219.189	808.325.143

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm 2012 không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Riêng thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn, chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	672.006.050	277.515.423
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.919.213	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	688.925.263	277.515.423
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(21.158.012)
Thu nhập tính thuế	688.925.263	256.357.411
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	137.785.053	64.089.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	137.785.053	64.089.353-

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 7.520 m² tại số 7A Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, diện tích 131,1 m² tại 418 Hồng Bàng, Quận 11, diện tích 115,7 m² tại 593 Bình Thới, Quận 11 và diện tích 1.909,5 m² tại 205 Lạc Long Quân, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

Đơn giá tiền lương năm 2014 được duyệt như sau:

- Đối với lĩnh vực xây lắp quỹ lương được trích là 1% thu nhập chịu thuế tính trước giá trị quyết toán để lập quỹ lương lĩnh vực xây lắp (công trình do Công ty trúng thầu).
- Đối với lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng là 23,07 VND trên 1.000 VND doanh thu.
- Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ là 455 VND trên 1.000 VND doanh thu.
- Đối với doanh thu từ hoạt động tài chính là 275,54 VND trên 1.000 VND doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí chuyển nhượng dự án An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh ^(*)	45.535.932.821	45.535.932.821
Trích trước chi phí bảo hành Trường Chi Lăng	183.656.853	183.656.853
Chi phí khác	31.363.636	87.640.000
Cộng	45.750.953.310	45.807.229.674

(*) Đây là khoản kinh phí hạ tầng chung đóng góp cho chủ đầu tư dự án để thực hiện hạ tầng trực chính khu 87ha. Trong đó, chi phí đền bù, giải tỏa là 42.115.391.503 VND.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về cổ phần hóa	100.800.000	100.800.000
Cổ tức phải trả	61.491.550	61.491.550
Nhận ký quỹ cho thuê nhà, mặt bằng	1.534.848.502	1.559.848.502
Các khoản phải trả khác	2.372.452.116	2.471.752.116
Cộng	4.069.592.168	4.193.892.168

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	6.001.787.824	-	-	(411.222.250)	5.590.565.574
Quỹ phúc lợi	1.053.941.810	-	123.262.015	(735.382.892)	441.820.933
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.597.963.832	-	-	(192.308.100)	1.405.655.732
Cộng	8.653.693.466	-	123.262.015	(1.338.913.242)	7.438.042.239

20. Phải trả dài hạn khác

Nhận tiền ký quỹ cho thuê nhà.

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi phí dự phòng công trình chung cư 336 Nguyễn Văn Luông. Chi tiết phát sinh như sau:

	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Số đầu năm	489.485.768	568.170.238
Tăng khác	-	1.629.000
Số đã sử dụng	(7.700.000)	(41.455.000)
Số cuối kỳ	481.785.768	528.344.238

22. Vốn chủ sở hữu

	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.367.977	3.639.995
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.367.977	3.639.995
- Cổ phiếu phổ thông	4.367.977	3.639.995
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.367.977	3.639.995
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.367.977	3.639.995
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
Doanh thu hoạt động xây dựng	6.619.177.598	407.750.060
Doanh thu hoạt động cho thuê nhà, kho	513.113.854	436.575.546
Doanh thu bán vật tư	15.158.130.255	5.437.587.672
Doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Doanh thu hoạt động khác	4.090.909	18.863.637
Cộng	22.294.512.616	6.300.776.915

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
Giá vốn của hoạt động xây dựng (*)	6.553.641.187	402.801.692
Giá vốn của hoạt động cho thuê nhà, kho	363.158.827	6.698.268
Giá vốn bán vật tư	14.944.746.559	5.385.618.805
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	-
Giá vốn hoạt động khác	1.363.636	3.636.364
Cộng	21.862.910.209	5.798.755.129

(*) Giá vốn hoạt động xây dựng như sau:

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2014</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	4.255.920.819	395.893.284
Chi nhân công trực tiếp	2.873.249.795	428.982.154
Chi phí sử dụng máy thi công	232.174.510	5.727.616
Chi phí sản xuất chung	143.056.087	42.277.857
Tổng chi phí sản xuất	7.504.401.211	872.880.911
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(950.760.024)	(470.079.219)
Giá vốn của hoạt động xây dựng	6.553.641.187	402.801.692

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
--	--------------------	--------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền ký quỹ	6.896.237	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.122.661.151	6.542.131
Lãi chậm thanh toán	84.058.285	
Cộng	2.213.615.673	6.542.131
4. Chi phí tài chính		
	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Chi phí lãi vay	23.869.659	54.279.687
Cộng	23.869.659	54.279.687
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Chi phí cho nhân viên	1.397.809.353	74.467.835
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.883.062	16.278.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.282.727	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.088.121	26.959.760
Chi phí khác	416.359.895	65.881.028
Cộng	1.932.423.158	183.586.989
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	534.220.997	213.426.070
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	534.220.997	213.426.070
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.367.977	3.639.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	122	59
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
	Quý 01/2014	Quý 01/2013
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.367.977	3.639.995
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng phát hành trong năm nay	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.367.977	3.639.995

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Quý trước, Công ty lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp. Quý này, Công ty chuyển sang lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp. Số liệu quý trước đã được trình bày lại cho phù hợp với phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý này.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ với các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tiền	373.121.035	1.022.988.733
Ứng tiền mua đất dự án	3.212.000.000	4.202.000.000
Cộng nợ phải trả	3.585.121.035	5.224.988.733

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Quý 01/2014</u>	<u>Quý 01/2013</u>
Tiền lương	512.391.348	430.417.207
Phụ cấp	11.625.000	11.835.000
Tiền thưởng	207.207.500	8.782.993
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	10.472.652	178.514.900
Cộng	741.696.500	629.550.000

	<u>Số cuối kì</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty địa ốc Sài Gòn		
Phải trả về cổ phần hóa	100.800.000	100.800.000
Cộng nợ phải trả	100.800.000	100.800.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây lắp các công trình dân dụng.
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hoá.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: đầu tư các dự án bất động sản.
- Lĩnh vực khác: cho thuê kho, cửa hàng,...

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2014

Cho quý I kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý I năm 2014 (tiếp theo)

kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.221.934.621	-	21.221.934.621
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.400.000.000	-	85.400.000.000
Phải thu khách hàng	28.289.280.525	416.654.847	28.705.935.372
Các khoản phải thu khác	3.833.143.369	45.454.979	3.878.598.348
Cộng	138.744.358.515	462.109.826	139.206.468.341
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.754.708.719	-	14.754.708.719
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	93.400.000.000	-	93.400.000.000
Phải thu khách hàng	33.304.144.576	416.654.847	33.720.799.423
Các khoản phải thu khác	2.611.857.425	45.454.979	2.657.312.404
Cộng	144.070.710.720	462.109.826	144.532.820.546

Tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không giảm giá có thời gian trên 03 năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có giao dịch khoản nhận trước tiền ký quỹ thuê nhà bằng ngoại tệ do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Công ty liên quan đến các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 64.760,80 USD.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (đầu tư ngắn hạn) để ký quỹ bảo lãnh cho các hợp đồng xây dựng của Công ty với các chủ đầu tư (xem thuyết minh số V.2). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 24.400.000.000 VND.

Tài sản nhận thế chấp

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2014.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.221.934.621	-	14.754.708.719	-	21.221.934.621	14.754.708.719
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.400.000.000	-	93.400.000.000	-	85.400.000.000	93.400.000.000
Phải thu khách hàng	28.705.935.372	-	33.720.799.423	-	28.705.935.372	33.720.799.423
Các khoản phải thu khác	3.878.598.348	-	2.657.312.404	-	3.878.598.348	2.657.312.404
Cộng	139.206.468.341	-	144.532.820.546	-	139.206.468.341	144.532.820.546

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	373.121.035	1.022.988.733	373.121.035	1.022.988.733
Phải trả người bán	4.013.234.141	4.244.200.955	4.013.234.141	4.244.200.955
Các khoản phải trả khác	50.320.545.478	50.501.121.842	50.320.545.478	50.501.121.842
Cộng	54.706.900.654	55.768.311.530	54.706.900.654	55.768.311.530

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC 11

Địa chỉ: 205 Lạc Long Quân, phường 3, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2014

Cho quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014 (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của khoản vay và phải trả dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2014



Trần Thị Minh Thư
Người lập biểu

Huỳnh Thị Yến Nhi
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Huệ
Tổng Giám đốc